

VỀ QUYỀN ĐƯỢC HƯỞNG THỤ NHỮNG LỢI ÍCH VÀ ỨNG DỤNG CỦA TIẾN BỘ KHOA HỌC QUA MỘT SỐ VĂN KIỆN QUỐC TẾ

HOÀNG MAI HƯƠNG*

Luật quốc tế về quyền con người bảo vệ việc hưởng thụ, bao gồm cả khía cạnh tự do khai thác và tiếp cận những lợi ích và các ứng dụng của tiến bộ khoa học, coi đó là một quyền cơ bản của con người. Tuyên ngôn Thế giới về Quyền Con người (UDHR, năm 1948) và Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa (ICESCR, năm 1966) là hai trong số các văn kiện quốc tế cốt lõi về quyền con người ghi nhận quyền này. Bài viết góp thêm lời bàn, làm rõ vấn đề nêu trên qua một số văn kiện quốc tế.

1. Cơ sở pháp lý quốc tế

Sự quan tâm đến việc hưởng thụ, chia sẻ những lợi ích của tiến bộ khoa học và công nghệ trên cơ sở bình đẳng, phục vụ lợi ích chung vì hòa bình và phát triển của nhân loại thực sự nổi lên sau Chiến tranh Thế giới lần thứ Hai. Nó bắt nguồn từ nhận thức của cả nhân loại, đặc biệt là của các nhà khoa học, rằng những thành tựu khoa học và công nghệ đóng vai trò quan trọng cho sự phát triển của nhân loại. Tuy nhiên, ý tưởng này đã bị lạm dụng trở thành công cụ phục vụ cỗ máy chiến tranh của các chế độ phát xít trên khắp thế giới, đặc biệt là của chế độ phát xít Đức ở giai đoạn trước và trong Chiến tranh Thế giới lần thứ Hai qua những vụ thảm sát và diệt chủng đối với người Do Thái và người dân ở khắp châu Âu (1, tr.250-252).

Quyền được hưởng thụ những lợi ích và ứng dụng của tiến bộ khoa học được ghi nhận trong nhiều văn kiện pháp lý quốc tế và khu vực. Quyền này lần đầu

tiên được quy định tại Điều 13 của Tuyên ngôn châu Mỹ về Quyền và Nghĩa vụ của Con người (ADRD): “Mọi người có quyền tham gia đời sống văn hóa cộng đồng, hưởng thụ nghệ thuật, và tham gia vào những lợi ích bắt nguồn từ sự tiến bộ về tri thức, đặc biệt là những phát hiện mới về khoa học. Đồng thời, mọi người có quyền được bảo hộ những lợi ích về đạo đức và vật chất đối với những phát minh mới của họ, hay bất kỳ tác phẩm văn học, công trình khoa học hay nghệ thuật nào mà họ là tác giả” (xem: 2). Tuy nhiên, ADRD mới chỉ là văn kiện có tính chất khu vực, trong khi bản chất và phạm vi của vấn đề là mang tính toàn cầu.

Trên cơ sở quy định tại Điều 13 của ADRD, sáu tháng sau khi ADRD được ban hành, Tuyên ngôn Thế giới về Quyền Con người (UDHR) được Đại hội đồng

* ThS. NCV., Viện Nghiên cứu Quyền Con người, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

Liên Hợp Quốc thông qua^(*), với 30 điều khoản, trong đó Điều 27 gồm hai khoản, quy định về quyền được tiếp cận những lợi ích và ứng dụng của tiến bộ khoa học thông qua phát triển công nghệ, cụ thể: (1) Mọi người có quyền tự do tham gia đời sống văn hóa của cộng đồng, hưởng thụ nghệ thuật, và chia sẻ tiến bộ khoa học và những lợi ích của nó; (2) Mọi người có quyền được bảo hộ lợi ích về vật chất và đạo đức bắt nguồn từ mọi sản phẩm khoa học, văn học, hay nghệ thuật mà người đó là tác giả (xem: 3).

Có thể nói, sự đồng thuận trong ban soạn thảo về việc có một điều khoản trong UDHR quy định quyền của mọi người được chia sẻ tiến bộ khoa học là tương đối cao (xem thêm: 4). Để thông qua được Điều 27 như nội dung và ngôn từ hiện nay của nó, nhiều học giả cho rằng đó là sự hội tụ của ba yếu tố. *Thứ nhất* là nhận thức chung của cộng đồng quốc tế về tiềm năng hủy diệt của khoa học và công nghệ (xem: 1, 250-252). Yếu tố *thứ hai* là vai trò quan trọng của Tổ chức Văn hóa, Khoa học và Giáo dục của Liên Hợp Quốc (UNESCO) trong quá trình soạn thảo những điều khoản này. Và, yếu tố *thứ ba* chính là ảnh hưởng của ADRD, mà cụ thể là Điều 13 của văn kiện này. Đại biểu của các nước Mỹ La tinh trong ban soạn thảo UDHR đã tích cực vận động để đưa ngôn ngữ của ADRD vào trong UDHR.

Nhìn chung, việc thông qua Điều 27 trong UDHR là một bước tiến lớn trong nhận thức của cộng đồng quốc tế về tính chất nghiêm trọng của việc sử dụng sai mục đích tiến bộ khoa học và công nghệ; đồng thời, nó cũng thừa nhận tiến bộ khoa học và công nghệ không thuộc về riêng một cá nhân, nhóm hay chế độ

nào, mà đó là quyền của mọi người được tiếp cận và khai thác những lợi ích của nó vì mục đích hòa bình và phát triển. Mặc dù UDHR nói chung và Điều 27 nói riêng không có tính ràng buộc về mặt pháp lý, nhưng nó là *chuẩn mực thành tựu chung của tất cả mọi người và của các dân tộc* (xem: 3, Lời nói đầu), và quan trọng hơn, nó là nền tảng cho việc xây dựng và thông qua những văn kiện quốc tế cốt lõi khác về quyền con người có tính ràng buộc về mặt pháp lý, trong đó có Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa (ICESCR)^(**) (xem: 5) - văn kiện quốc tế cốt lõi thứ hai về quyền con người, sau UDHR, quy định về các quyền con người liên quan đến khoa học, công nghệ, giáo dục và văn hóa. Tuy nhiên, ICESCR khác với UDHR ở tính ràng buộc về mặt pháp lý của nó với các quốc gia thành viên; song cũng vì thế mà giá trị phổ quát của văn kiện này lại thấp hơn so với UDHR. Mọi quốc gia đều viện dẫn UDHR, nhưng không phải quốc gia nào cũng áp dụng ICESCR.

Chính vì tính chất ràng buộc về mặt pháp lý thể hiện qua các nghĩa vụ mà quốc gia thành viên phải thực hiện như quy định từ các khoản (2) đến khoản (4) ở Điều 15, trong tổng số 192 quốc gia thành viên của Liên Hợp Quốc^(***), mới có 160 quốc gia là thành viên của ICESCR^(***). Ngoài UDHR và ICESCR, Đại hội đồng Liên Hợp Quốc và một số cơ quan chuyên môn của Liên Hợp Quốc cũng thông qua các văn kiện liên quan đến việc áp dụng tiến bộ khoa học và

(*) Nghị quyết 217 A (III), ngày 10/12/1948, của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc.

(*) Nghị quyết 2200 A (XXI) ngày 16/12/1966 của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc.

(**) Xem số quốc gia thành viên của Liên Hợp Quốc tại địa chỉ: <http://www.un.org/en/members/index.shtml> (ngày 1/8/2010).

(***) Xem số quốc gia thành viên của ICESCR tại địa chỉ <http://treaties.un.org/Pages/Treaties.aspx?id=4&subid=A&lang=en> (ngày 1/8/2010).

công nghệ trong mối tương quan với quyền con người nói chung. Ví dụ: *Tuyên bố về Sử dụng Tiến bộ Khoa học và Công nghệ phục vụ mục đích Hòa bình và vì Lợi ích của Nhân loại*^(*); *Tuyên bố Vienna* (1993)^(**); *Tuyên bố Toàn cầu về Cấu trúc Gen ở Người và Quyền Con người* (1997)^(***); *Công ước Bảo vệ Quyền và Nhân phẩm của Con người trong ứng dụng Sinh học và Y học* (1997)^(****); *Tuyên bố Quốc tế về Số liệu Gen ở Người* (2003); *Tuyên bố Thế giới về Đạo đức Sinh học và Quyền Con người* (2005)^(*****), v.v... Những văn kiện này chủ yếu nhấn mạnh đến việc tăng cường sự hưởng thụ những lợi ích và ứng dụng của tiến bộ khoa học dựa trên cách tiếp cận quyền con người. Nói cách khác, những văn kiện này xây dựng một khung pháp lý nhằm đảm bảo rằng những hoạt động liên quan đến khoa học và công nghệ phải được đặt trong bối cảnh của nguyên tắc bảo đảm quyền con người.

2. Mối quan hệ với một số quyền khác

Quyền được hưởng thụ những lợi ích và ứng dụng của tiến bộ khoa học có quan hệ mật thiết với nhiều quyền con người khác, trong đó có các quyền dân sự và chính trị. Điều đó thể hiện ở việc, Điều 27 của UDHR, Điều 15 của ICESCR ghi nhận mối liên hệ giữa quyền được hưởng thụ lợi ích và những ứng dụng của tiến bộ khoa học với quyền sở hữu trí tuệ - trong Điều 15 (1.c) và quyền tham gia đời sống văn hóa - trong

Điều 15 (1.a). Bên cạnh đó, một số quy định khác của ICESCR cũng liên quan đến khoa học và công nghệ, ví dụ, Điều 11(2) quy định quyền không bị đối xử của mọi người; quyền này gắn với việc thực hiện cải tiến phương thức sản xuất, bảo tồn và phân phối lương thực thông qua việc khai thác tối đa tri thức khoa học và công nghệ. Hay, Điều 2(1) và Điều 23 của ICESCR quy định sự cần thiết có trợ giúp kỹ thuật từ các nước khác đối với nhiều nước để có đủ năng lực thực hiện các quyền được ghi nhận trong Công ước này. Điều 12 của ICESCR quy định quyền được hưởng thụ chuẩn mực cao nhất có thể được về sức khỏe thể chất và tinh thần. Mặc dù quyền này không đề cập rõ đến vai trò của khoa học và công nghệ, nhưng để đạt được những nội dung hay mục tiêu theo quy định tại khoản 2 của Điều này thì không thể không phụ thuộc vào tiến bộ khoa học và công nghệ. Quyền được giáo dục (Điều 13 và 14 của ICESCR) cũng có quan hệ chặt chẽ với quyền được hưởng thụ lợi ích và ứng dụng của tiến bộ khoa học. Trong thời đại ngày nay, những ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ đóng vai trò to lớn trong việc tăng cường tính phổ cập và nâng cao chất lượng giáo dục. Giáo dục từ xa - hình thức giáo dục hoàn toàn dựa vào vai trò của khoa học và công nghệ - đang trở thành một trong những hình thức được lựa chọn phổ biến ở nhiều nơi trên thế giới.

Trong số các quyền dân sự và chính trị có quan hệ với quyền được hưởng thụ những lợi ích và ứng dụng của tiến bộ khoa học là quyền được tìm kiếm, tiếp nhận và phổ biến thông tin (5, Điều 19, khoản 2). Internet, điện thoại truyền hình thế hệ 3G hay 4G đều là những phương tiện truyền thông siêu việt, phát minh khoa học vĩ đại của con người trong thế kỷ XX và những năm đầu thế

(*) Nghị quyết 3384 (XXX) của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc, 1975.

(**) Được thông qua tại Hội nghị Thế giới về Quyền Con người, tại Vienna, Áo, 1993.

(***) Được UNESCO thông qua tại Hội nghị Toàn thể của UNESCO, ngày 11/11/1997.

(****) Được Hội đồng châu Âu thông qua ngày 4/4/1997.

(*****) Được UNESCO thông qua ngày 19/10/2005.

kỷ XXI, giúp đẩy nhanh và hiện thực hóa hoàn hảo quyền tiếp cận và phổ biến thông tin của con người. Công nghệ điện tử cũng góp phần to lớn vào việc thực hiện quyền bầu cử của người dân (5, Điều 25, khoản b). Ngày nay, việc kiểm phiếu bầu cử ở nhiều nước, như ở Mỹ, đều được tiến hành thông qua hệ thống điện tử; hoặc, việc biểu quyết trong nghị trường ở các nước giờ đây đều được thực hiện bằng việc bấm nút điện tử. Như vậy, có thể thấy rằng ở hầu hết các lĩnh vực quyền con người, những thành tựu về khoa học và công nghệ đều có đóng góp nhất định không chỉ nhằm hiện thực hóa mà còn đảm bảo thực hiện tốt hơn và hữu hiệu hơn các quyền đó.

Hệ thống các quyền con người là tập hợp các quyền vốn có và có tính phụ thuộc lẫn nhau. Khó có thể nói rằng việc thực hiện quyền này hoàn toàn độc lập với quyền khác. Dù xét ở góc độ nào, việc hiện thực hóa quyền này đều phụ thuộc hoặc dẫn đến việc thực hiện quyền khác, tất nhiên với mức độ khác nhau. Thực tế cũng đã chứng minh rằng mức độ hoàn thiện trong việc thực hiện các quyền con người phụ thuộc rất nhiều vào trình độ phát triển trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là kinh tế, ở các quốc gia. Cơ sở kinh tế là nền tảng phát triển của khoa học và công nghệ. Trình độ phát triển khoa học và công nghệ thấp, thiếu sự chia sẻ và hợp tác kỹ thuật giữa các quốc gia là những quan tâm bức xúc của cộng đồng nhân quyền quốc tế trong việc làm sao có thể đảm bảo quyền được hưởng thụ những lợi ích và các ứng dụng của tiến bộ khoa học một cách đồng đều giữa các quốc gia, các khu vực và các nhóm trong cùng một quốc gia trong quá trình phát triển và trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

3. Mức độ quan tâm của cộng đồng nhân quyền quốc tế

Không ai phủ nhận quyền được hưởng thụ những lợi ích và các ứng dụng của tiến bộ khoa học là một quyền cơ bản của con người. Tuy nhiên, trong thành phần cấu tạo nên quyền này, có những thành tố mà cho đến nay cộng đồng nhân quyền quốc tế, đặc biệt trong số những người làm luật liên quan đến vấn đề này, còn tranh luận với nhau về ý nghĩa của chúng. Câu hỏi mà cộng đồng nhân quyền quan tâm nhất và cũng thể hiện giá trị cốt lõi nhất của quyền này là như thế nào thì được coi là hưởng thụ những lợi ích và các ứng dụng của tiến bộ khoa học?

Phân tích ý nghĩa pháp lý của quyền này, cụm từ “những lợi ích” phải được hiểu là những lợi ích về vật chất mà mọi người có quyền được hưởng thụ trong đời sống hàng ngày. Vì vậy, các quốc gia có nghĩa vụ tạo điều kiện cho mọi cá nhân được tiếp cận và sử dụng các chức năng ứng dụng của tiến bộ khoa học trên cơ sở bình đẳng, cho dù cá nhân đó có trực tiếp đóng góp vào sự tiến bộ khoa học hay không (6, tr.232).

Đổi mới công nghệ và những lợi ích từ tiềm năng của khoa học có thể góp phần vào sự phát triển con người theo nhiều hình thức, có thể là: công nghệ có thể trực tiếp nâng cao năng lực con người, cải thiện mức sống, và tạo điều kiện cho con người tham gia một cách chủ động hơn vào đời sống cộng đồng thông qua những sản phẩm khoa học tiên tiến; sự tiến bộ về công nghệ có thể là một phương tiện thúc đẩy sự phát triển con người nhờ tác động của nó tới tăng trưởng kinh tế (7, tr.28); hoặc trong việc giảm nghèo ở những khu vực điều kiện tự nhiên không thuận lợi, khoa học đóng vai trò thiết yếu trong

việc giúp con người thích ứng và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, giải quyết những vấn đề về môi trường nói chung (8, tr.176).

Nếu khoa học và công nghệ có giá trị lợi ích cho tất cả mọi người thì chúng cần phải được phổ biến, được chia sẻ rộng rãi. Mới đây Ủy ban về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa của ICESCR đã đưa ra bốn tiêu chí nhằm đảm bảo cho việc thực hiện những quyền này, đó là: khả năng sẵn có (availability) - mức độ hiện diện trên thực tế điều kiện vật chất, hàng hóa và dịch vụ cần thiết để đảm bảo cho mọi người thực hiện một quyền cụ thể; khả năng có thể tiếp cận được (accessibility) - các cơ sở vật chất, hàng hóa và dịch vụ sẵn có phải nằm trong phạm vi có thể tiếp cận được cho mọi đối tượng, đặc biệt là các nhóm dễ bị tổn thương và bị gạt ra ngoài rìa xã hội; khả năng có thể chấp nhận được (acceptability) - các cơ sở vật chất, hàng hóa và dịch vụ sẵn có để thực hiện một quyền nào đó phải phù hợp với điều kiện kinh tế của tất cả mọi người, kể cả với các nhóm đối tượng bị thiệt thòi về mặt xã hội; và chất lượng (quality) - mọi người có quyền được tìm kiếm, tiếp nhận và phổ biến những thông tin liên quan đến quyền được quan tâm (xem thêm: 9, Bình luận chung, số 14, mục 12).

Tuy nhiên, sự bất bình đẳng trong phát triển và phổ biến công nghệ ngay trong/giữa các xã hội với nhau đặt ra những quan ngại cho cộng đồng nhân quyền quốc tế. Nhìn vào bản đồ phát triển khoa học và công nghệ thế giới, có thể thấy các hoạt động nghiên cứu khoa học, những phát minh, đổi mới và phát triển sản phẩm đều tập trung ở những nước có thu nhập cao thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) và ở mức độ thấp hơn là một số nước có mức

thu nhập trung bình ở châu Á và Mỹ La tinh (xem: 7, tr.39). Ở trong nước, sự bất bình đẳng về tiếp cận công nghệ cũng không đồng đều. Rất nhiều công nghệ hiện đại không được phân bổ đồng đều cho dù chúng có giá trị to lớn góp phần vào sự tiến bộ của con người. Hiện tượng này phần lớn là do những hạn chế của mỗi quốc gia, về thu nhập, cơ sở hạ tầng yếu kém,... (7, tr.40-42).

Điều đó cho thấy, cần phải có cơ chế đặc biệt quan tâm hơn tới sự phát triển, cung cấp và triển khai các loại công nghệ đơn giản, hiệu quả nhưng không tốn kém và phù hợp với đa số người dân, nhất là những tầng lớp dân cư sống ở những ngôi làng hẻo lánh, khu vực nông thôn nghèo, vùng sâu, vùng xa, miền núi và hải đảo nơi mà sự tiếp cận tới công nghệ hiện đại bị hạn chế. Việc lắp đặt những chiếc bơm tay ở các vùng nông thôn của Bangladesh hay ở Việt Nam là ví dụ điển hình về sự phổ biến công nghệ đơn giản, chi phí thấp nhưng hiệu quả cho việc lấy nước phục vụ sinh hoạt của người dân ở những cộng đồng nghèo (7, tr.28).

4. Một số nguyên tắc áp dụng cách tiếp cận dựa trên quyền với việc hưởng thụ những lợi ích của tiến bộ khoa học

Việc thực hiện quyền được hưởng thụ những lợi ích và ứng dụng của tiến bộ khoa học, tương tự như các quyền khác của con người, đặt ra một loạt những nghĩa vụ khác nhau đối với các quốc gia. Đặc biệt, nó đòi hỏi rằng khoa học phải được xem như một công cụ phục vụ lợi ích con người. Vì vậy, quá trình nghiên cứu khoa học, triển khai những ứng dụng khoa học phải phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của quyền con người.

a. Phù hợp với phẩm giá con người

Quyền con người xuất phát từ phẩm giá vốn có của mỗi con người. Vì vậy, cách tiếp cận dựa trên quyền đòi hỏi các chính phủ phải đánh giá tác động của việc nghiên cứu, ứng dụng và phổ biến những thành quả của tiến bộ khoa học và công nghệ dựa trên phẩm giá con người. Phải thừa nhận một thực tế rằng có những tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ lợi ích và cuộc sống của con người, nhưng cũng không ít trường hợp trong đó đặt ra những thách thức và trái với phẩm giá con người, Albert Borgmann cho rằng công nghệ hiện đại khuyến khích con người nhìn nhận mối quan hệ con người như những loại hàng hóa tiêu dùng (xem thêm: 10); Ian Barbour cho rằng công nghệ thường tạo ra sự phân phối chi phí và lợi ích không đồng đều. Theo ông, trong khi có thể nhóm này được hưởng lợi thì nhóm khác lại phải chịu những rủi ro và các chi phí gián tiếp (11).

Thời gian qua, Liên Hợp Quốc cũng có nhiều nỗ lực nhằm giải quyết những tác động tiềm ẩn của tiến bộ khoa học và công nghệ tới quyền và phẩm giá của con người, thể hiện qua việc thông qua một loạt những văn kiện quốc tế mà nổi bật trong số đó là *Tuyên bố Toàn cầu về Quyền Con người và Gen Người* (the Universal Declaration on the Human Genome and Human Rights) và *Công ước về Bảo vệ Quyền Con người và Phẩm giá Con người liên quan tới việc ứng dụng Sinh học và Thuốc* (Convention for the Protection of Human Rights and Dignity of the Human Being with Regard to the Application of Biology and Medicine). Hai văn kiện này cùng với những văn kiện quốc tế về quyền con người đặt nền tảng pháp lý trong việc bảo vệ phẩm giá con người trong bối cảnh tiến bộ khoa

học và công nghệ. Tuy nhiên, trong thực tiễn, việc đảm bảo làm thế nào hài hòa và cân bằng được giữa bảo vệ phẩm giá con người và ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vì sự tiến bộ của con người luôn là một vấn đề phức tạp.

b. Không phân biệt đối xử và bình đẳng

Quyền được hưởng thụ những lợi ích và ứng dụng của tiến bộ khoa học trước và trên hết phải bao hàm cả việc tự do và cơ hội hưởng thụ sự tiến bộ của khoa học và công nghệ một cách đồng đều ngay trong mỗi quốc gia “mà không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào vì lý do chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hay quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc hay xã hội, tài sản, nơi sinh hay địa vị xuất thân khác” (5, Điều 2 khoản 2). Và vì thế, các chính phủ “phải đảm bảo quyền bình đẳng giữa nam và nữ trong việc hưởng thụ” (5, Điều 3). Ủy ban Liên Hợp Quốc về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (UNESCO) cho rằng những điều khoản “không phân biệt đối xử” như vậy yêu cầu các quốc gia thành viên phải xóa bỏ các hình thức phân biệt đối xử cả trên quy định của pháp luật và trên thực tiễn mà có ảnh hưởng tới việc hiện thực hóa các quyền được ghi nhận trong Công ước này.

Và, để đảm bảo sự bình đẳng, các quốc gia có thể áp dụng cả những biện pháp tiêu cực nhằm ngăn chặn sự phân biệt đối xử và các “hành động tích cực” nhằm bù đắp hệ quả của sự phân biệt đối xử trước đây (12, tr.47). Đồng thời, cần áp dụng các biện pháp phù hợp, cụ thể đối với các quyền con người, như việc đảm bảo quyền bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực khoa học đòi hỏi phải áp dụng cách tiếp cận giới, việc

phải đảm bảo các cơ hội giáo dục bình đẳng ở tất cả các cấp đào tạo nhằm hạn chế nhân tố nam là chủ đạo trong nhiều lĩnh vực khoa học và công nghệ ở các nước. Những bất bình đẳng này, nhất là bình đẳng về cơ hội giáo dục và việc làm, đều là những vấn đề xã hội cản trở sự tiến bộ, phát triển và tiếp cận tiến bộ khoa học và công nghệ của con người.

c. Thúc đẩy sự tham gia và minh bạch trong việc ra quyết định

Dân chủ là một trong những nguyên tắc được ghi nhận trong ICESCR, ICCPR và nhiều văn kiện quốc tế khác về quyền con người để đảm bảo quyền của tất cả các thành viên trong xã hội được tham gia thực chất vào việc ra quyết định về những vấn đề của đời sống xã hội. Trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, nguyên tắc này đặt ra yêu cầu rằng mọi quyết định liên quan tới những ưu tiên và chính sách khoa học và công nghệ phải được thông qua với sự đóng góp của các nhóm xã hội và cộng đồng khác nhau trong xã hội, đặc biệt là có cả sự tham gia của đại diện những nhóm khó khăn trong xã hội. Nếu không đảm bảo được sự tham gia rộng rãi như thế thì chính sách khoa học và công nghệ sẽ không đại diện được lợi ích và nhu cầu của mọi thành phần và các nhóm trong xã hội (13, tr.117-136).

Báo cáo của UNESCO, *Hướng tới xã hội tri thức*, kêu gọi sự tham gia một cách dân chủ có sự tham gia trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Trong báo cáo này, UNESCO đề xuất mối quan hệ hay mô hình tam giác – giới khoa học, chính quyền và người dân. Theo đó, mối quan hệ thứ bậc theo kiểu mô hình ra quyết định truyền thống sẽ không còn nữa (14, tr.120-122). Mặc dù vậy, dân chủ trong việc xây dựng chính sách khoa học có thể được khẳng định trên

nguyên tắc, nhưng để các cá nhân và cộng đồng được tham gia một cách chủ động lại là một vấn đề phức tạp và khó thực hiện trên thực tế.

d. Trách nhiệm giải trình và hiệu quả thực hiện

Các quốc gia khi thông qua và phê chuẩn các văn kiện quốc tế về quyền con người có nghĩa vụ thực hiện các quyền con người được ghi nhận trong các văn kiện đó. Cơ chế giải trình trách nhiệm thể hiện dưới nhiều hình thức, bao gồm cả hoạt động rà soát của cơ quan tư pháp, thành lập các cơ quan nhân quyền quốc gia hay cơ quan chuyên trách, các cơ chế hành chính khác như ra báo cáo đánh giá quốc gia, v.v... Tuy nhiên, rất ít quốc gia, thậm chí ngay cả các quốc gia công nghiệp phát triển, xây dựng được cơ chế hiệu quả trong việc đảm bảo trách nhiệm giải trình về chính sách khoa học và công nghệ.

Kết luận

Pháp luật quốc tế về quyền con người ghi nhận quyền được hưởng thụ những lợi ích và ứng dụng của tiến bộ khoa học là một trong những quyền cơ bản của con người, thể hiện qua hai trong số những văn kiện quốc tế cốt lõi nhất về quyền con người là UDHR và ICESCR. Tuy nhiên, sự chênh lệch về trình độ phát triển, mức sống giữa các nước và các vùng, cũng như việc UNESCO chưa có một công bố nào giải thích cơ sở pháp lý cho quyền này khiến cộng đồng nhân quyền quốc tế hết sức lo ngại về việc đảm bảo thực hiện có hiệu quả và thực chất quyền này. Đây là vấn đề mà trong bối cảnh hiện nay, cộng đồng nhân quyền quốc tế cho rằng trách nhiệm thực hiện cam kết nghĩa vụ quốc tế của các quốc gia cần phải được đề cao trên hết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Richard Pierre Claude. "Scientists' rights and the human rights to the benefit of science", pages 247-278, in "Core Obligations: Building a Framework for Economic, Social and Cultural Rights" of Audrey R. Chapman and Sage Russell (ed.). Antwerp; Oxford: Intersentia, 2002.
2. American Declaration of the Rights and Duties of Man, 1948. http://training.itcilo.it/ils/CD_Use_Int_Law_web/Additional/Library/English/Regional_instruments/AmericanDeclaration-1948.pdf
3. http://unicode.org/udhr/d/udhr_vie.html
4. Johannes Morsink. Universal Declaration of Human Rights: Origins, Drafting and Intent. Philadelphia: University of Pennsylvania, 1999.
5. The International Covenant on Economic, Social and Cultural Rights, 1966. <http://www2.ohchr.org/english/law/cescr.htm>
6. Hans Morten Haugen. Human Rights and technology—a conflictual relationship? Assessing private research and the right to adequate food. *Journal of Human Rights*, Volume 7, Issue 3, 2008, pages 224-244.
7. UNDP. Human development report 2001: Making new technologies work for human development. Oxford: Oxford university press, 2001.
8. Ngân hàng Thế giới (WB). Báo cáo phát triển thế giới 2008. H.: 2007.
9. Ủy ban về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa 2000: Bình luận chung số 14, mục 12.
10. Albert Borgmann. "Communities of celebration: technology and public life", in Frederick Ferre (ed.). *Research in Philosophy and Technology*. Greenwich, Conn And London: JAI press, 1990.
11. Ian Barbour. *Ethic in an Age of Technology*. San Francisco: Harper Collins Publishers, 1993.
12. Philip Alston. The International Covenant on Economic, Social and Cultural Rights, in *Manual on Human Rights Reporting*, U.N. Doc. HR/PUB/91/1, 1991.
13. Philip Kitcher. *Science, Truth and Democracy*. Oxford and New York: Oxford University Press, 2001.
14. UNESCO. *Toward Knowledge Societies*. Paris: UNESCO Publishing, 2005.
15. Juma Calestous, Cheong-Yee Lee. 2005. "Innovation: Applying Knowledge in Development: UN Millennium Project. Task Force on Science, Technology and Innovation, London, UNDP, 12/2/2009.
16. World Bank. *World Development Report 2008: Agriculture for Development*. Washington DC.: International Bank for Reconstruction and Development/World Bank, 2007.
17. The American Declaration of the Rights and Duties of Man, 1948.
18. The Universal Declaration of Human Rights, 1948.
19. The International Covenant on Economic, Social and Cultural Rights, 1966.
20. The International Covenant on Civil and Political Rights, 1966.
21. American Sociological Association Council. Statement on the Causes of Gender Differences in Science and Math Career Achievement, at www.asanet.org/cs/root/.../asa_council_statement_on_causes_of (20/7/2010)